

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 24.2 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI**

Ngày thi: **24/11/2019** Giờ thi: _____ Phòng thi: **B316**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
1	900001	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20/03/1997		
2	900002	Tô Thị Hồng	Châu	09/08/1996		
3	900003	Trần Thị Trân	Châu	25/08/1997		
4	900004	Ngô Thùy	Dương	24/09/1998		
5	900005	Đoàn Thị Lệ	Giang	02/01/1998		
6	900006	Hoàng Thị Ngọc	Hân	09/10/1998		
7	900007	Vũ Thị Ngọc	Hân	11/12/1998		
8	900008	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	19/02/1998		
9	900009	Huỳnh Kim	Hiền	10/04/1998		
10	900010	Lai Xuân	Hiển	13/01/1997		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 24.2 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI**

Ngày thi: **24/11/2019**

Giờ thi:

Phòng thi:

B316

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
11	900011	Võ Khánh	Huyền	08/07/1997		
12	900012	Trần Thị Lan	Hương	14/08/1998		
13	900013	Lê Phương	Khanh	21/11/1998		
14	900014	Ngô Thị Kim	Khánh	01/09/1997		
15	900015	Nguyễn Thị Thu	Liễu	30/03/1995		
16	900016	Lê Tất	Linh	07/03/1996		
17	900017	Nguyễn Thị Thùy	Linh	21/11/1997		
18	900018	Trần Thị Kim	Linh	29/11/1998		
19	900019	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	14/04/1996		
20	900020	Nguyễn Lê Thanh	Nga	14/10/1997		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 24.2 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI**

Ngày thi: **24/11/2019**

Giờ thi:

Phòng thi:

B316

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
21	900021	Mai Thủy Bảo	Ngân	25/02/1997		
22	900022	Võ Huỳnh Bảo	Ngọc	20/04/1997		
23	900023	Hoàng Thị Thanh	Nhung	17/02/1998		
24	900024	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	21/01/1998		
25	900025	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	07/05/1998		
26	900026	Nguyễn Minh	Thư	01/01/1997		
27	900027	Huỳnh Việt Anh	Phi	23/06/1998		
28	900028	Triệu Định	Phượng	01/04/1982		
29	900029	Nguyễn Thị Phương	Thanh	25/02/1998		
30	900030	Huỳnh Minh	Thảo	09/01/1996		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 24.2 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI**

Ngày thi: **24/11/2019**

Giờ thi:

Phòng thi:

B316

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
31	900031	Nguyễn Thị	Thảo	16/08/1995		
32	900032	Trương Nguyễn Hoàng Anh	Thư	17/10/1997		
33	900033	Phạm Thị Hoàng	Thương	14/10/1996		
34	900034	Nguyễn Hoàng Thủy	Tiên	16/01/1987		
35	900035	Phương Thị Mỹ	Tiên	07/01/1998		
36	900036	Huỳnh Thị Diễm	Trang	05/09/1998		
37	900037	Huỳnh Thị Xuân	Trang	06/07/1997		
38	900038	Huỳnh Thị Nhật	Trinh	02/02/1996		
39	900039	Vũ Hoài Thanh	Trúc	05/07/1995		
40	900040	Hồ Thảo	Tuyên	29/09/1998		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 24.2 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI**

Ngày thi: **24/11/2019** Giờ thi: _____ Phòng thi: **B316**

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
41	900041	Vũ Ngọc Tường	Vy	29/09/1991		
42	900042	Võ Thị Ngọc	Ý	20/11/1995		